

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2026/DS-ST
Ngày 21 - 8 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm.

Ông Đỗ Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 654/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Quốc H, sinh ngày 25/3/1988. Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ pháp lý; Căn cước công dân số 094088006795; ngày cấp 10/10/2022. Địa chỉ liên hệ: Số C T, phường P, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền – Theo văn bản ủy quyền số 51/2026/UQ-VPB ngày 27/01/2026 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Mỹ N sinh ngày 01/01/1989; Căn cước công dân số 094189002447; ngày cấp 26/12/2021; Địa chỉ: Ấp P (nay là ấp P), xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2026 của nguyên đơn Ngân hàng V (sau đây gọi là Ngân hàng); bản tự khai trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lâm Quốc H trình bày:

Bà Đoàn Thị Mỹ N vay vốn của Ngân hàng V: Số tiền 470.400.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2310140563986, ký ngày 23/10/2023; số tiền 21.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 377-P-9369712 ký ngày 28/10/2023 nội dung cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số LN2310140563986, số tiền vay 470.400.000, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 96 tháng, thời hạn vay từ ngày 27/10/2023, mục đích vay mua xe ô tô; Hợp đồng tín dụng số 377-P-9369712, số tiền vay 21.000.000 đồng, lãi suất thả nổi, thời hạn vay từ ngày 28/10/2023, mục đích vay tiêu dùng. Để bảo đảm cho các khoản vay trên, bà N và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số LN2310140563986/HĐTC ký ngày 23/10/2023 và được Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố H đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/10/2023, tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu MG (M), MG5 1,5L LUX (SX 2023), 1.5t, AT (sản xuất năm 2023), Biển số đăng ký: 83A-161.23, có số khung MMLA36U65PG011113, số máy 15S4QTP1060031, thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Thị Mỹ N. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký vào ngày 15/9/2025, Ngân hàng đã chuyển nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/01/2026, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 129.496.158 đồng, nợ lãi 101.977.511 đồng, tổng cộng 231.473.669 đồng. Tạm tính đến ngày 15/01/2026, bà N còn nợ Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi của các khoản vay là 392.767.518 đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN2310140563986, nợ gốc 362.561.333 đồng, nợ lãi trong hạn 19.219.433 đồng, nợ lãi quá hạn 9.609.717 đồng, tổng cộng 371.829.150 đồng. Hợp đồng tín dụng số 377-P-9369712, nợ gốc 19.114.133 đồng nợ lãi trong hạn 1.356.351 đồng, nợ lãi quá hạn 678.175 đồng, tổng cộng 20.938.638 đồng. Tổng cộng nợ vay của hai hợp đồng tín dụng: Nợ gốc 361.903.842 đồng, nợ lãi trong hạn 20.575.784 đồng, nợ lãi quá hạn 10.287.892 đồng. Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu buộc bà N phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/01/2026 là 392.767.518 đồng, trong đó nợ gốc 361.903.842 đồng, nợ lãi trong hạn 20.575.784 đồng, nợ lãi quá hạn 10.287.892 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 15/01/2026 trở đi theo thỏa thuận lãi quá hạn đã ký tại các hợp đồng tín dụng cho tới khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Trường hợp bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2310140563986 ngày 23/10/2023 để thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu tính lãi, cụ thể: Rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 377-P-9369712 ngày 28/10/2023 và thay đổi khoản lãi suất không yêu cầu tính lãi suất quá hạn từ ngày 15/9/2025 đối với Hợp đồng tín dụng số LN231014563986 ngày 23/10/2023 do vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lý do bị đơn có thanh toán một phần

gốc, lãi trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án. Nay Ngân hàng yêu cầu như sau: Yêu cầu bà N thanh toán tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số LN231014563986 ngày 23/10/2023, tạm tính đến ngày 21/8/2026, nợ gốc 303.800.000 đồng, nợ lãi 0 đồng và tiền lãi theo lãi suất quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng từ ngày 22/8/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tất cả các nghĩa vụ nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2300140563986 ký ngày 23/10/2023.

- Bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do và bà N không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa bà N vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2026 với số tiền 303.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2026 theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi bà N trả dứt nợ; trường hợp bà N thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký; buộc bị đơn bà N chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại ấp P (nay là ấp P), xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ theo Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là tiêu dùng và mua xe ô tô. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu của đương sự: tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lâm Quốc H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 377-P-9369712 ký ngày 28/10/2023 và thay đổi khoản lãi suất không yêu cầu tính lãi suất quá hạn từ ngày 15/9/2025 đối với Hợp đồng tín dụng số LN231014563986 ngày 23/10/2023 do vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lý do bị đơn có thanh toán một phần gốc, lãi trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án. Xét thấy rút một phần yêu cầu của các đương sự không vượt quá yêu cầu ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số LN231014563986 ngày 23/10/2023 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng với bà N. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 137 và 398 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét yêu cầu trả nợ vay gốc theo Hợp đồng tín dụng số LN231014563986 ngày 23/10/2023, tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 303.800.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 303.800.000 đồng; nợ lãi: 0 đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Xét tại bản sao kê tài khoản, tài khoản bà N ký nhận đã nhận giải ngân với tổng số tiền 470.400.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định Ngân hàng đã giải ngân nợ vay theo LN231014563986 ngày 23/10/2023 và bà N đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng đã ký. Sau khi vay tiền, bị đơn đã thanh toán được một phần nợ gốc tính đến ngày 21/8/2026 là 166.600.000 đồng, nợ lãi 138.776.028 đồng; tính đến ngày 21/8/2026 bà N còn nợ Ngân hàng nợ gốc 303.800.000 đồng, nợ lãi 0 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên Ngân hàng yêu cầu bà N chịu trách nhiệm trả tiền vay vốn và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023,

về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2310140563986 ngày 23/10/2023, tài sản thế chấp là xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 83 00430 do Công an huyện L, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp ngày 26/10/2023, tên chủ xe: Đoàn Thị Mỹ N, nhãn hiệu: MG, biển số đăng ký: 83A – 161.23, số máy: 15S4C5QTP1060031; số khung: MMLA36U65PG01113, màu sơn: Đen. Xét hợp đồng thế chấp đã được ký giữa đại diện hợp pháp của Ngân hàng với bà N và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp theo quy định tại các 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Vì vậy, việc Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp khi bà N không có khả năng thanh toán nợ vay trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Như đã phân tích ở trên ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không chịu chi phí tố tụng và không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N có trách nhiệm chi phí tố tụng và án phí theo quy định tại Điều 147 và 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 30, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các 117, 118, 119, 137, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 của Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

1. Buộc bà Đoàn Thị Mỹ N trả cho Ngân hàng V số tiền vay gốc và lãi 303.800.000 đồng (ba trăm lẻ ba triệu, tám trăm nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc 303.800.000 đồng (ba trăm lẻ ba triệu, tám trăm nghìn đồng); nợ lãi: 0 đồng (không đồng).

Kể từ ngày 22/8/2026 bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà N thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2310140563986 ngày 23/10/2023, tài sản thế chấp là xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 83 00430 do Công an huyện L, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp ngày 26/10/2023, tên chủ xe: Đoàn Thị Mỹ N, nhãn hiệu: MG, biển số đăng ký: 83A-161.23, số máy: 15S4C5QTP1060031; số khung: MMLA36U65PG01113, màu sơn: Đen.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Mỹ N phải chịu trách nhiệm nộp số tiền 15.190.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng); Ngân hàng V không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.819.000 đồng (chín triệu, tám trăm mười chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005875 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), Ngân hàng V đã nộp xong. Bà N chịu trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng V số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan